QUÁ TRÌNH TIẾP NHẬN TRIẾT HỌC HIỆN SINH TRONG VĂN HỌC ĐÔ THỊ MIỀN NAM 1954 - 1975

Bùi Quang Khải
Trường THCS – THPT Hồng Hà

Tóm tắt: *Triết học hiện sinh là một trường phái triết học nhân bản, nhấn mạnh vai trò của cá nhân và trách nhiệm hiện hữu, đồng thời khuyến khích mỗi người tự định nghĩa bản thân, tìm kiếm ý nghĩa và sống có mục đích. Trong văn học Việt Nam thế kỷ XX, đặc biệt giai đoạn 1954 - 1975 ở miền Nam, triết học hiện sinh đã thâm nhập và tạo ảnh hưởng sâu rộng cả ở bình diện lý luận - phê bình lẫn sáng tác. Bài viết này khảo sát tiến trình tiếp nhận và ảnh hưởng của triết học hiện sinh trong văn học đô thị miền Nam trên hai phương diện: (1) tiếp nhận qua nghiên cứu, dịch thuật; (2) ảnh hưởng trong sáng tác, lý luận - phê bình. Trên cơ sở vận dụng phương pháp liên ngành (triết học - văn học), phân tích văn bản và phân tích diễn ngôn, bài viết chỉ ra rằng, triết học hiện sinh không chỉ thâm nhập qua con đường học thuật, mà còn được bản địa hóa, chuyển hóa thành một "khí hậu tinh thần" đặc thù, góp phần hình thành một khuynh hướng tư duy và thẩm mỹ mới cho văn học đô thị miền Nam trước 1975.*

Từ khóa: *Cảm thức hiện sinh, hiện tượng văn hóa, lý luận - phê bình, tiếp nhận, triết học hiện sinh, văn học đô thị miền Nam.*

Nhận bài ngày 14.5.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 28.8.2025
Liên hệ tác giả: Bùi Quang Khải; Email: echip1986@gmail.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Văn học Việt Nam thế kỷ XX phát triển trong một bối cảnh lịch sử - chính trị nhiều biến động, chịu tác động mạnh mẽ từ các trào lưu tư tưởng và nghệ thuật phương Tây. Trong dòng chảy ấy, triết học hiện sinh - một trường phái triết học nhân bản, nhấn mạnh vai trò của cá nhân, tự do lựa chọn và trách nhiệm hiện hữu - đã thâm nhập vào đời sống văn hóa đô thị miền Nam giai đoạn 1954 - 1975 như một hiện tượng nổi bật. Sau Hiệp định Giơnevơ (1954), khi đất nước tạm chia thành hai miền, miền Bắc đi theo định hướng văn nghệ xã hội chủ nghĩa, thì miền Nam trở thành một không gian văn hóa mở, nơi các luồng tư tưởng như triết học hiện sinh, hiện tượng luận, hay tư tưởng hậu hiện đại có điều kiện lan tỏa mạnh mẽ.

Bối cảnh xã hội đô thị miền Nam thời kỳ này đầy xung đột, bất an và khủng hoảng niềm tin, khiến nhiều trí thức và văn nghệ sĩ khao khát tìm kiếm một hệ giá trị mới để lý giải thân phận con người, ý nghĩa cuộc sống, và những giới hạn của tồn tại. Triết học hiện sinh đã đáp ứng nhu cầu đó, không chỉ qua con đường nghiên cứu, dịch thuật và giới thiệu các tác phẩm triết học phương Tây, mà còn qua sự vận dụng sáng tạo trong sáng tác văn học và diễn ngôn lý luận - phê bình. Nhiều tên tuổi như Nguyễn Văn Trung, Trần Thái Đỉnh, Tam Ích, Thanh Tâm Tuyền, Nguyên Sa, Bùi Giáng, Nguyễn Thị Thụy Vũ … đã đưa cảm thức hiện sinh vào tư duy nghệ thuật, hình thành nên những tác phẩm giàu chiều sâu triết lý, đồng thời góp phần mở ra cách tiếp cận mới cho văn học miền Nam đương thời.

Mặc dù đã có những nghiên cứu giới thiệu triết học hiện sinh và một số công trình bàn về ảnh hưởng của nó đối với văn học Việt Nam, song vẫn còn thiếu các khảo sát hệ thống vừa xem xét quá trình tiếp nhận (từ lý luận, dịch thuật) vừa phân tích tác động, ảnh hưởng trong sáng tác và phê bình văn học đô thị miền Nam giai đoạn 1954 - 1975. Đây chính là khoảng trống nghiên cứu mà bài viết này hướng tới lấp đầy.

Bài viết tập trung khảo sát tiến trình tiếp nhận và ảnh hưởng của triết học hiện sinh trong văn học đô thị miền Nam từ năm 1954 đến 1975 trên hai phương diện: (1) tiếp nhận qua nghiên cứu và dịch thuật; (2) ảnh hưởng trong sáng tác và lý luận – phê bình. Trên cơ sở vận dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành (triết học - văn học), phân tích văn bản và phân tích diễn ngôn, bài viết làm rõ cách triết học hiện sinh không chỉ thâm nhập qua con đường học thuật mà còn được bản địa hóa, chuyển hóa thành một "khí hậu tinh thần" đặc thù, góp phần định hình khuynh hướng tư duy và thẩm mỹ riêng cho văn học đô thị miền Nam trước 1975.

2. NỘI DUNG

1. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp nghiên cứu chuyên ngành nhằm khảo sát và phân tích quá trình tiếp nhận cũng như ảnh hưởng của triết học hiện sinh trong văn học đô thị miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954 -1975. Cụ thể:

Phương pháp lịch sử - xã hội: Được vận dụng để đặt việc tiếp nhận chủ nghĩa hiện sinh trong bối cảnh đặc thù của xã hội đô thị miền Nam trước 1975 chịu tác động mạnh mẽ của chiến tranh, đô thị hóa và các luồng tư tưởng phương Tây. Phương pháp này giúp truy nguyên tiến trình du nhập, lan tỏa và bản địa hóa của hệ tư tưởng hiện sinh trong đời sống tri thức và văn nghệ.

Phương pháp phân tích văn bản: Áp dụng để đọc, giải mã các văn bản nghiên cứu, dịch thuật triết học cũng như các tác phẩm sáng tác và phê bình văn học tiêu biểu mang dấu ấn hiện sinh.

Phương pháp liên ngành (triết học - văn học): Bài viết khai thác mối quan hệ tương tác giữa triết học và văn học, đặc biệt là sự chuyển hóa từ khái niệm triết học hiện sinh sang ngôn ngữ văn chương. Việc đối chiếu hệ thống tư tưởng hiện sinh với biểu hiện trong văn bản văn học giúp làm rõ tính chất xuyên ngành của hiện tượng tiếp nhận này.

Phương pháp phân tích diễn ngôn: Được vận dụng để khảo sát cách triết học hiện sinh được diễn giải, thảo luận và tranh biện trên các diễn đàn báo chí, tạp chí học thuật miền Nam trước 1975 như *Sáng Tạo, Văn, Bách Khoa, Tư Tưởng* … Phương pháp này cho phép nhận diện vai trò của diễn ngôn hiện sinh trong việc kiến tạo nên một "khí hậu tinh thần" đặc thù.

Phương pháp so sánh - đối chiếu: Dùng để đối sánh sự tiếp nhận chủ nghĩa hiện sinh ở miền Nam với các khu vực văn học khác trong và ngoài nước; đồng thời làm nổi bật những sắc thái bản địa, những điều chỉnh sáng tạo trong cách tiếp thu và biểu hiện hệ tư tưởng này trong hoàn cảnh cụ thể của văn học miền Nam trước 1975.

Việc kết hợp các phương pháp trên không chỉ đảm bảo độ sâu trong khảo sát đối tượng, mà còn góp phần làm rõ vai trò của triết học hiện sinh như một hệ tư tưởng chi phối mạnh mẽ đến tư duy sáng tác, lý luận và cảm thức văn hóa đô thị miền Nam Việt Nam trong giai đoạn hiện đại hóa văn học dân tộc.

2. Tiếp nhận triết học hiện sinh trong đời sống văn nghệ miền Nam 1954 - 1975

Triết học hiện sinh (Existential philosophy) là trào lưu triết học nhân bản ra đời và phát triển mạnh ở châu Âu từ cuối thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX, với các đại diện như Søren Kierkegaard, Friedrich Nietzsche, Martin Heidegger, Jean-Paul Sartre, Albert Camus. Khác với triết học duy lý cổ điển, hiện sinh tập trung vào "hiện hữu cá nhân" (existence) - sự tồn tại cụ thể và độc nhất của con người. Sartre (1943) khẳng định "hiện hữu có trước bản chất", đề cao tự do và trách nhiệm cá nhân; Heidegger (1927) xem con người là Dasein - tồn tại bị quăng vào thế giới và phải đối diện cái chết để ý thức trọn vẹn ý nghĩa sống. Triết học hiện sinh vừa là hệ thống tư tưởng vừa là cách sống, nhấn mạnh trải nghiệm cá nhân, cô đơn, phi lý và khát vọng tìm kiếm ý nghĩa. Trong văn học, nó trở thành công cụ lý luận và cảm hứng sáng tạo, định hướng việc khắc họa nhân vật, tổ chức không gian - thời gian và phản ánh khủng hoảng bản thể của con người hiện đại.

Trong nghiên cứu văn học, tiếp nhận (reception) được hiểu là quá trình độc giả hoặc cộng đồng tiếp nhận văn học tiếp thu, diễn giải và tái kiến tạo ý nghĩa tác phẩm dựa trên

vốn tri thức, kinh nghiệm và bối cảnh văn hóa - xã hội của mình. Quan niệm này xuất phát từ nền tảng của Mỹ học tiếp nhận (Rezeptionsästhetik) do Hans Robert Jauss và Wolfgang Iser khởi xướng tại Trường phái Konstanz (Đức) vào cuối thập niên 1960, nhấn mạnh vai trò chủ động của người đọc trong việc hình thành ý nghĩa văn bản. Tại Việt Nam, khái niệm "tiếp nhận" đã được nhiều học giả giới thiệu, luận giải và vận dụng trong nghiên cứu văn học. Trần Đình Sử cho rằng tiếp nhận văn học không chỉ là hoạt động "đọc" mà còn bao gồm cả sự "đối thoại" giữa người đọc với văn bản, qua đó ý nghĩa tác phẩm được xác lập trong quá trình tương tác. Ông nhấn mạnh: "Tác phẩm văn học chỉ thực sự tồn tại khi nó được người đọc tiếp nhận và gắn với những cảm xúc, suy nghĩ, đánh giá cụ thể" [1]. Theo Nguyễn Văn Dân, tiếp nhận văn học là một giai đoạn của "quá trình giao tiếp văn học" - nơi tác phẩm đến với độc giả và được họ đồng sáng tạo ý nghĩa. Trong môi trường văn hóa cụ thể, quá trình tiếp nhận còn chịu sự chi phối của hệ giá trị xã hội, xu hướng tư tưởng và thị hiếu thẩm mỹ đương thời. Điều này đặc biệt đúng với trường hợp văn học đô thị miền Nam giai đoạn 1954 -1975, khi việc tiếp nhận triết học hiện sinh diễn ra trong một bối cảnh văn hóa - chính trị đặc thù, vừa cởi mở tiếp thu luồng tư tưởng mới từ phương Tây, vừa phản ánh nhu cầu nhận thức và biểu đạt của tầng lớp trí thức đô thị. Từ góc nhìn đó, "tiếp nhận triết học hiện sinh" trong khuôn khổ bài viết này được hiểu là toàn bộ các hoạt động nghiên cứu, dịch thuật, giới thiệu, tranh luận và ứng dụng các phạm trù hiện vào đời sống văn nghệ miền Nam trước 1975, qua đó hình thành một môi trường tư tưởng và thẩm mỹ mới trong sáng tác và phê bình văn học.

Sự thâm nhập của triết học hiện sinh vào không gian văn hóa đô thị miền Nam giai đoạn 1954 -1975 là một tiến trình phức hợp, diễn ra trong điều kiện đặc thù về lịch sử - xã hội, con người đô thị vừa đối mặt với bất an hiện sinh, vừa khát khao tìm kiếm những hệ giá trị mới thay thế cho những thiết chế tư tưởng cũ kỹ, đổ vỡ. Trong hoàn cảnh đó, triết học hiện sinh, với tư cách là một triết học nhân bản, nhấn mạnh tự do cá nhân, sự lựa chọn và trách nhiệm hiện hữu, đã nhanh chóng trở thành điểm tựa tinh thần cho nhiều tầng lớp trí thức, văn nghệ sĩ. Đặc biệt, quá trình tiếp nhận triết học hiện sinh ở miền Nam trước 1975 không chỉ giới hạn trong phạm vi triết học hàn lâm mà còn mở rộng sang các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, văn chương, trở thành một hiện tượng tư tưởng, thẩm mỹ đặc sắc. Từ một lý thuyết ngoại nhập, triết học hiện sinh đã dần được bản địa hóa qua nhiều con đường: nghiên cứu, dịch thuật, phê bình - lý luận và sáng tác văn học. Trong đó, hoạt động nghiên cứu và chuyển ngữ các văn bản triết học phương Tây chính là bước khởi đầu quan trọng, góp phần hình thành nền tảng lý luận và làm trung gian tư tưởng để triết học hiện sinh lan tỏa vào đời sống tinh thần đô thị. Chính từ không gian học thuật và báo chí đương thời, những phạm trù cốt lõi của hiện sinh như *tự do, phi lý, dấn thân, ngụy tín, tha hóa, hư vô* … đã được giới thiệu, bàn luận, thậm chí tranh biện sôi nổi, làm nên một "khí hậu hiện sinh" đặc thù của miền Nam trong những năm chiến tranh.

Bên cạnh đó, bài viết sẽ tập trung khảo sát quá trình tiếp nhận triết học hiện sinh trong nghiên cứu và dịch thuật như một tiền đề lý luận thiết yếu cho sự lan tỏa tư tưởng hiện sinh trong sáng tác và phê bình văn học. Qua đó, có thể nhận diện rõ hơn phương thức hệ tư tưởng này được các học giả miền Nam lý giải, giới thiệu và kiến tạo thành một "triết lý sống", chứ không chỉ đơn thuần là một học thuyết triết học trừu tượng.

2.1.Tiếp nhận triết học hiện sinh trong nghiên cứu, dịch thuật

Trong đời sống văn nghệ miền Nam giai đoạn 1954 -1975, triết học hiện sinh được tiếp nhận trước hết như một hệ tư tưởng triết học có sức ảnh hưởng mạnh mẽ đến nhận thức cá nhân, xã hội và văn hóa. Từ cuối thập niên 1950 đến đầu thập niên 1970, một loạt công trình nghiên cứu, biên khảo và dịch thuật về triết học hiện sinh đã xuất hiện, góp phần hình thành nền tảng lý luận, phổ biến hệ tư tưởng này đến đông đảo giới trí thức và văn nghệ sĩ đô thị miền Nam.

Một trong những công trình tiêu biểu đầu tiên là *Triết học hiện sinh* của Trần Thái Đỉnh (1967), được xem là tổng thuật đầy đủ và có hệ thống nhất về các triết gia hiện sinh chủ chốt như Søren Kierkegaard, Friedrich Nietzsche, Karl Jaspers, Martin Heidegger,